TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DSST
Ngày 31/5/2024
V/v "*T/c hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2023/TLST-DS ngày 03/11/2023 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 28/4/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 15/2024/QĐST ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Anh **Phạm Khắc N**, sinh năm 1971 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Bồ Thị M**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:***

Trước đây tôi và anh Phạm Khắc N có cho chị Bồ Thị M vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, khi vay tiền thì chị M có làm biên nhận cho tôi vào ngày 21/6/2023, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Sau khi vay tiền thì chị M không trả gốc và cũng không đóng lãi cho tôi và anh N, tôi và anh N đã nhiều lần yêu cầu chị M trả số tiền nói trên nhưng chị M vẫn không trả. Khi tôi và anh N làm đơn khởi kiện thì tôi có yêu cầu anh Lê Minh K là chồng chị M cùng trả nợ. Nhưng nay tôi nhận thấy

trong biên nhận vay tiền thì chỉ có một mình chị M viết và ký tên và khi giao tiền thì chỉ giao trực tiếp cho chị M nên trong quá trình giải quyết vụ án tôi và anh N có thay đổi yêu cầu khởi kiện, tôi và anh N chỉ yêu cầu một mình chị M trả nợ cho tôi và anh N, không yêu cầu anh K cùng có trách nhiệm trả nợ cho chúng tôi.

Tại phiên toà hôm nay tôi yêu cầu chị M trả cho tôi và anh N số tiền gốc là 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng kể từ ngày 21/6/2023 cho đến nay là hơn 11 tháng nhưng tôi và anh N chỉ yêu cầu tính tròn là 11 tháng và yêu cầu trả đủ một lần, tôi chỉ yêu cầu chị M trả nợ cho chúng tôi, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ cho tôi.

Nguyên đơn anh Phạm Khắc N trình bày tại bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị H về việc trước đây chị Bồ Thị M có vay của chị H và anh N số tiền gốc là 50.000.000 đồng, chị M có viết biên nhận cho chị H và anh N vào ngày 21/6/2023, lãi suất thoả thuận là 2%/tháng, thời gian vay là 1 tháng, sau khi vay tiền thì chị M không đóng lãi và cũng không trả số tiền gốc cho anh N và chị H. Nay anh N yêu cầu chị M trả cho anh N và chị Hằng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng kể từ ngày 21/6/2023 cho đến ngày xét xử 31/5/2024 là hơn 11 tháng nhưng chỉ tính tròn là 11 tháng, yêu cầu chị M trả đủ một lần, không yêu cầu anh Lê Minh K là chồng chị M cùng có trách nhiệm trả nợ.

***** Bị đơn chị Bồ Thị M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Bồ Thị M với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa chị M vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị M vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án anh N và chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, anh N và chị H chỉ yêu cầu chị M trả số tiền còn nợ, không yêu cầu anh Lê Minh K cùng có trách nhiệm trả nợ. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H, anh N không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện có cơ sở chấp nhận, cho nên anh Lê Minh K không còn tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H anh Phạm Khắc N và chị Bồ Thị M là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[4] Xét yêu cầu của anh N, chị H yêu cầu chị M trả số tiền còn thiếu là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị H anh N đã cung cấp cho Toà án bản gốc biên nhận vay tiền có chữ viết và chữ ký của chị Bồ Thị M. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị H anh N xác nhận chữ ký và chữ viết Bồ Thị M trong biên nhận ngày 21/6/2023 do anh chị cung cấp cho Toà án là chữ ký và chữ viết của chị Bồ Thị M và Toà án cũng đã có Thông báo số 07/TB – TA ngày 05/01/2024 cho chị M biết có ý kiến về việc chữ ký và chữ viết trong biên nhận có nội dung "*tôi tên Bồ Thị M có vay tiền của anh Phạm Khắc N chị Phạm Thị Cẩm H số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 2%/tháng, lý do buôn bán, thời gian 1 tháng*". Nhưng chị M không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với biên nhận nói trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định việc chị M có nợ tiền của chị H anh N là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và yêu cầu của chị H anh N về việc yêu cầu chị M trả số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của chị H anh N yêu cầu chị M trả lãi kể từ ngày vay là ngày 21/6/2023 cho đến nay là hơn 11 tháng nhưng chỉ tính tròn là 11 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng.

Khoản 1 điều 466 BLDS 2015 quy định" *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*" nhưng chị M không thực hiện việc trả nợ cho chị H anh N là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại khoản 5 Điều 466 BLDS năm 2015 "*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả...".

Khoản 1 điều 468 BLDS năm 2015 quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...Trường hợp lãi suất theo*

thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Theo biên nhận ngày 21/6/2023 do chị H anh N cung cấp có chị M ký nhận, thể hiện lãi suất các bên thoả thuận là 2%/tháng. Như vậy, đây là trường hợp các đương sự có thoả thuận về lãi suất, nhưng lãi suất thoả thuận của các đương sự là 24%/năm là vượt quá 20%/năm. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị H anh N yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 21/6/2023 đến ngày 31/5/2024 là 11 tháng 10 ngày nhưng chị H anh N chỉ yêu cầu tính tròn là 11 tháng: 50.000.000 đồng x 1,66% x 11 tháng = 9.130.000 đồng (*Chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị H anh N số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi là 9.130.000 đồng (*Chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng),* tổng cộng gốc và lãi là 59.130.000 đồng *(Năm mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 59.130.000 đồng *(Năm mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*

Án phí tính như sau: 59.130.000 đồng x 5% = 2.956.500 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

- Yêu cầu của chị H anh N được chấp nhận nên chị H anh N không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H anh Phạm Khắc N số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0000545 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị M phải nộp 2.956.500 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H anh Phạm Khắc N đối với bị đơn chị Bồ Thị M.

2. Buộc chị Bồ Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Cẩm H anh Phạm Khắc N tổng cộng số tiền là 59.130.000 đồng *(Năm mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H anh Phạm Khắc N số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0000545 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Bồ Thị M phải nộp 2.956.500 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THA huyện Tân Hiệp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái